

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HS-ST
Ngày 04-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Bà Phan Thị Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 5 đến ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 02/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Hoàng H, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2005, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Trần Ngọc H1, không rõ năm sinh; Mẹ là Lê Thị Bích L, sinh năm 1970; Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 04 chị em; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự : không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Văn K, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2005, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Thôn D, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Trần Văn P, sinh năm 1979; Mẹ là Lưu Thị Kim S, không rõ năm sinh; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 2 anh em; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự : không

Nhân thân:

+ Ngày 14/4/2023, bị Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng, Cố ý làm hư hỏng tài sản theo Quyết định số 241/QĐ.

+ Ngày 10/5/2023 bị Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 200/QĐ.

+ Ngày 20/7/2023 bị Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 446/QĐ.

(Tại Quyết định nhập vụ án hình sự số 02/QĐ ngày 05/9/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B điều tra trong vụ án: “Cướp tài sản”, “Gây rối trật tự công cộng”, “Cố ý gây thương tích”, Cố ý làm hư hỏng tài sản”, “Tàng trữ sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”)

+ Ngày 08/12/2023, bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích theo Quyết định số 300/QĐ.

Hiện K đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B chờ xét xử trong vụ án “Cướp tài sản, Gây rối trật tự công cộng, Cố ý gây thương tích, Cố ý làm hư hỏng tài sản, Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” xảy ra tại thành phố V, thành phố B, thị xã P, huyện L thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 08/4/2023 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Đào Bảo L1, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2002, tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Đào Văn L2, sinh năm 1973; Mẹ là Bùi Thị U, sinh năm 1982; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em; vợ bị cáo là Nguyễn Hiền V, sinh năm 2004; Bị cáo có 02 con. Con nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 13/11/2023, bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo Quyết định số 1163/QĐ.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Trần Anh Tuấn V1, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Trần T, không rõ năm sinh; Mẹ là Vũ Thị Vân A, không rõ năm sinh; Bị cáo là một trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 07/3/2023, bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích theo Quyết định số 100/QĐ.

+ Ngày 03/4/2023 bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 114/QĐ.

+ Ngày 10/5/2023 bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 205/QĐ.

(Tại Quyết định nhập vụ án hình sự số 02/QĐ ngày 05/9/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B điều tra trong vụ án: “Cướp tài sản”, “Gây rối trật tự công cộng”, “Cố ý gây thương tích”, Cố ý làm hư hỏng tài sản”, “Tàng trữ sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”).

+ Ngày 08/12/2023, bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích theo Quyết định số 296/QĐ.

Hiện V1 đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chờ xét xử trong vụ án **“Gây rối trật tự công cộng”** xảy ra thời gian tháng 12 năm 2022 trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người giám hộ cho bị cáo là ông Trần T, sinh năm 1974 - cha ruột; Địa chỉ: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo V1: Luật sư Lê Viết T1, sinh năm 1963 - thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

5. Nguyễn Văn C, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2004, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Nguyễn Văn C1, không rõ năm sinh; Mẹ là bà Nguyễn Thị Lệ H2, không rõ năm sinh; Bị cáo là một trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Tại Bản án 23/2023/HSST ngày 21/12/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử 4 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

+ Ngày 07/3/2023, bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích theo Quyết định số 198/QĐ.

+ Ngày 10/5/2023 bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 204/QĐ.

(Tại Quyết định nhập vụ án hình sự số 02/QĐ ngày 05/9/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B điều tra trong vụ án: “Cướp tài sản”, “Gây rối trật tự công cộng”, “Cố ý gây thương tích”, Cố ý làm hư hỏng tài sản”, “Tàng trữ sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”).

+ Ngày 08/12/2023 bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích theo Quyết định số 295/QĐ.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B chờ xét xử trong vụ án “Cướp tài sản, Gây rối trật tự công cộng, Cố ý gây thương tích, Cố ý làm hư hỏng tài sản, Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và Tiêu thụ tài

sản do người khác phạm tội mà có” xảy ra tại thành phố V, thành phố B, thị xã P, huyện L thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Võ Duy K1 (tên gọi khác: Khánh M), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2004, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Võ Văn M1, sinh năm 1980; Mẹ là bà Trần Thị N, sinh năm 1983; Bị cáo là thứ hai trong gia đình có hai chị em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 13/11/2023, bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định xử phạt hành chính số 1160/QĐ phạt 4.000.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P.

7. Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2004, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Nguyễn Văn D, không rõ năm sinh; Mẹ là bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1983; Bị cáo là thứ 3 trong gia đình có 3 anh chị em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 25/8/2023, bị khởi tố về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Quyết định khởi tố bị can số 17/QĐ của Phòng C2 Công an tỉnh B.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P.

8. Phạm Tiến S1, sinh ngày 19 tháng 05 năm 2005, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Phạm Văn T3, sinh năm 1979; Mẹ là bà Phạm Thị H4, sinh năm 1985; Bị cáo là thứ 1 trong gia đình có 2 anh em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 13/11/2023, bị Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt hành chính số 1168/QĐ phạt 4.000.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/12/2023 nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P.

9. Phạm Văn V2, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2006, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Phạm Văn V3, sinh năm 1981; Mẹ là bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1987; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 2 anh em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 13/11/2023, bị Công an thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra Quyết định xử phạt hành chính số 1170/QĐ phạt 2.000.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P.

Người giám hộ cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1987 – mẹ ruột; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo V2: Luật sư Lê Viết T1, sinh năm 1963 - thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

10. Trần Duy P1, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2002, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Trần Quang B, không rõ năm sinh; Mẹ là bà Đặng Thị N1, không rõ năm sinh; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 anh chị em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến ngày 24/01/2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

Người bào chữa cho bị cáo P1: Luật sư Huỳnh Ngọc H6, sinh năm 1963 - thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

11. Nguyễn Hoàng H7, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2004, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Nguyễn Văn H8, sinh năm 1968; Mẹ là bà Mai Thị L3, sinh năm 1968 ; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 chị em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến ngày 05 tháng 02 năm 2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

12. Vũ Văn Đ, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2003, tại tỉnh Nam Định; HKTT: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi ở: Thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Vũ Văn Đ1, sinh năm 1979; Mẹ là bà Vũ Thị T4, sinh năm 1983 ; Bị cáo là con thứ 1 trong gia đình có 02 anh em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 13/12/2023 đến ngày 05 tháng 02 năm 2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

13. Vũ Văn K2, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2006, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Vũ Đình T5 không rõ năm sinh; Mẹ là bà Nguyễn Thị D1 không rõ năm sinh; Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 3 anh chị em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P.

Người giám hộ cho bị cáo là bà Nguyễn Thị D1- mẹ ruột; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo K2: Luật sư Lê Viết T1, sinh năm 1963 - thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Hà Tuấn T6, sinh năm 2003; Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Huỳnh Minh T7, sinh ngày 20/02/2009; Địa chỉ: Tổ A, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người giám hộ của Huỳnh Minh T7: Bà Bùi Thị Mỹ D2 (mẹ) (vắng mặt) – có anh họ là Võ Phi H9 (có mặt)

+ Nguyễn G, sinh ngày 05/8/2007; Địa chỉ: Khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa —Vũng Tàu (vắng mặt).

Người giám hộ của Nguyễn G: Ông Nguyễn Minh Đ2 (cha ruột) (vắng mặt).

+ Bùi Gia L4, sinh ngày 29/3/2007; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Người giám hộ của Bùi Gia L4: Bà Lê Thị Thanh L5 (mẹ) (vắng mặt)

+ Trần Anh P2, sinh ngày 19/12/2007; Địa chỉ: Khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người giám hộ của Trần Anh P2: Ông Trần Tiến D3 (cha ruột) (vắng mặt);

+ Nguyễn Nguyên P3, sinh ngày 04/8/2007; Địa chỉ: Khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người giám hộ của P3: Ông Nguyễn Ngọc N2 (cha ruột) (vắng mặt), có anh họ là Huỳnh Hữu T8 (có mặt).

+ Võ Văn H10, sinh ngày 14/10/2008; Địa chỉ: Khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người giám hộ của Võ Văn H10: Ông Võ Văn H11 (cha ruột) (có mặt)

+ Tôn Thành T9, sinh ngày 13/8/2007; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người giám hộ của Tôn Thành T10: Ông Tôn Văn T11 (cha ruột) (có mặt).

+ Huỳnh Chí K3, sinh ngày 03/02/2008; Địa chỉ: Khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Người giám hộ của Huỳnh Chí K3: Bà Nguyễn Thị M2 (bà ngoại) (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Phạm Thế D4, sinh năm 1999; Địa chỉ: Khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp E, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa —Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khuya ngày 28/02/2023, Trần Hoàng H đang ngủ ở nhà thì bị một nhóm người đến ném đá vào nhà rồi bỏ đi. Nghi ngờ do nhóm người của anh Nguyễn Thanh B1, gây ra do trước đó nên giữa H và B1 xảy ra mâu thuẫn. H nảy sinh ý định hẹn gặp để đánh B1 nên đã gọi điện rủ B1 đi uống cà phê nói chuyện thì B1 đồng ý, hẹn tối ngày 01/3/2023 sẽ gặp nhau tại quán cà phê gần nhà thờ L6 thuộc phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Sau khi hẹn gặp B1, sáng ngày 01/3/2023, H đã gọi điện thoại rủ bạn của H là Trần Anh Tuấn V1; Trần Duy P1; Nguyễn Quốc T2; Đào Bảo L1; Bùi Gia L4, sinh ngày: 29/03/2007, nơi thường trú: thôn L, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Huỳnh Chí K3, sinh ngày: 03/02/2008, nơi thường trú: khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Trần Anh P2, sinh ngày: 19/12/2007, nơi thường trú: Khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Tôn Thành T9, sinh ngày: 13/08/2007, nơi thường trú: khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và 01 thanh niên tên "T12" (không rõ nhân thân lai lịch) đi đánh B1 giúp H thì những người này đều đồng ý. Sau đó, L1, K3 đã rủ thêm bạn của mình đi đánh nhau giúp H thì những người được L1, K3 rủ đều đồng ý, cụ thể: L1 rủ 06 (sáu) người là Võ Duy K1, Vũ Văn K2, Nguyễn Hoàng H7, Phạm Tiến S1, Phạm Văn V2, Nguyễn Quốc T2, Vũ Văn Đ. K3 rủ thêm 03 (ba) người là Huỳnh Minh T7, sinh ngày: 20/02/2009, nơi thường trú: khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nguyễn Nguyên P3, sinh ngày: 04/08/2007, nơi thường trú: khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Võ Văn H10, sinh ngày: 14/10/2008, nơi thường trú: khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. V1 cũng gọi điện rủ thêm 03 (ba) người là Nguyễn Văn C, Trần Vỹ K, Nguyễn G, sinh ngày: 05/08/2007, nơi thường trú: khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đi đánh nhau giúp H thì C, K, G đều đồng ý. Sau đó, H chuẩn bị hung khí khoảng 06, 07 dao tự chế, dao rựa và cát giấu tại ống cống trước nhà của H.

Đến chiều cùng ngày, V1, T2, P1, C, L1, K2, K1, V2, S1, H7, Đ, L4, T7, P3, H10 và 02 thanh niên tên T13, T14 (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch cụ thể) đến nhà của H chuẩn bị đi đánh nhóm B1. Sau đó, H phát hung khí cho những người trong nhóm, trong đó có Đ, L4, T7, P3, K1 và nói cả nhóm tập trung ở nghĩa trang L7, thị xã P. Tuy nhiên, do khu vực nghĩa trang L7 có người qua lại không thuận tiện nên H nói cả nhóm tập trung tại đoạn đường trên tuyến tránh Quốc lộ E, thị xã P là khu vực vắng vẻ, không có dân cư sinh sống thì cả nhóm di chuyển xuống tuyến tránh Quốc lộ E. Đến nơi, H cùng đồng bọn đứng trên vỉa hè. Lúc này, T9 đến đem theo khoảng 06 con dao tự chế, trong đó, T9 cầm 01 con dao, số dao còn lại thì phát cho một số người trong nhóm (không rõ nhân thân lai lịch).

Sau khi tập trung xong, H gọi điện hẹn gặp anh B1 để đi uống cà phê. Do anh B1 đang ngồi uống cà phê cùng anh Hà Tuấn T6, sinh năm: 2003, nơi thường trú: khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và anh Phạm Thế D4, sinh năm: 1999, nơi thường trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang tại phòng trọ của anh B1 nên anh B1 đã rủ các anh T6, D4 đi cùng thì cả hai đồng ý. Đến nơi, H hỏi tại sao anh B1 đến phá nhà của mình thì anh B1 không thừa nhận, H

nói “giờ không muốn nói chuyện mà muốn đánh nhau”. Cùng lúc này, anh T6 nhìn thấy một số người quen bên nhóm H gồm V1, C, P1, T2 nên anh T6 đi lại gần hỏi chuyện và có thái độ thách thức. Thấy vậy, K tiến lại gần anh T6, cầm dao tự chế làm bằng kim loại, dài khoảng 80cm chém nhiều nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải thì anh T6 giơ tay trái lên đỡ nên bị chém trúng cẳng tay trái gây thương tích, một số người trong nhóm H (không rõ nhân thân lai lịch) cũng dùng hung khí đánh trúng vào vai trái gây thương tích cho anh T6, H cũng đuổi theo nhóm anh T6 và hô hào “Chém tụi nó”, anh T6 bỏ chạy và bị vấp ngã khiến trầy xước đầu gối trái và chân phải. Lúc này, K1, G, T7, H10 cũng cầm dao đuổi đánh nhóm anh T6 nhưng không đánh trúng và nhóm anh T6 chạy thoát. V1, L1, T2, P1, C, K2, H7, S1, Đ, V2 thấy những người trong nhóm của mình có cầm hung khí đuổi đánh nhóm anh T6 rồi nên không đuổi theo đánh mà đứng đợi khi cả nhóm đánh nhóm anh T6 xong quay lại thì cùng nhau ra về. Quá trình tham gia đuổi đánh nhóm anh T6, L4 cùng một số người trong nhóm đã dùng hung khí đập phá xe mô tô hiệu Honda Wave alpha màu đen, chưa có biển số của anh B1 và xe mô tô BKS: 72E1 – 841.49 của anh T6

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 141/TgT ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận:

*Khám thương tích:

- Thương tích 1: Sẹo da ở mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái (sẹo vết thương và phẫu thuật), bờ gọn, lành màu nâu nhạt, kích thước # 17cm x 0,3cm. Không cứng khớp, cẳng tay gấp duỗi được trong khoảng trên 5° đến 145°. (Hình 1, 2)

- Thương tích 2: Sây sát da nông vùng vai trái, không rõ hình dạng hình học, bờ không gọn, lành mờ, kích thước 06cm x 05cm, vận động khớp vai không hạn chế. (Hình 3)

- Thương tích 3: Sây sát da nông ở trước gối trái, không rõ hình dạng hình học, bờ không gọn, lành mờ, kích thước 04cm x 1,5cm. (Hình 4)

- Thương tích 4: Sây sát da nông mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải, không rõ hình dạng hình học, bờ không gọn, lành mờ, kích thước 08cm x 01cm. (Hình 5)

*** PHẦN KẾT LUẬN**

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định:

+01 sẹo trung bình.

+03 vết sây sát da nông, lành sạm màu.

+ Gãy móm khuỷu xương trụ trái, đã kết hợp xương, hiện tại cẳng tay gấp duỗi được trong khoảng trên 5° đến 145°.

- Kết quả cận lâm sàng:

+ Gãy móm khuỷu xương trụ trái (đã kết hợp xương).

2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hà Tuấn T6 tại thời điểm giám định là: **16% (Mười sáu phần trăm).**

- Về vật gây thương tích, chiều hướng tác động, lực tác động:

+ Thương tích 1: Phù hợp với tổn thương cơ bản là “vết chém hay băm bổ”, được gây ra do sự tác động của vật có diện rộng hoặc có trọng lượng lớn tác động với lực mạnh vào cơ thể như dao rựa, dao phay, búa, rìu; tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ sau ra trước.

+ Thương tích 2: Được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày, tác động với lực mạnh vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trên xuống dưới.

+ Thương tích 3, 4: Được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày, tác động với lực mạnh vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trước ra sau

- *Về vật chứng trong vụ án*: Đối với hung khí là các con dao tự chế, rựa: Sau khi đánh nhau, các bị cáo đã vứt bỏ trên đường về, không nhớ vị trí vứt bỏ. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P không thu giữ được.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Sau khi các bị cáo gây thương tích cho anh Hà Tuấn T6, anh T6 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Các bị cáo Vũ Văn K2, Nguyễn Quốc T2, Võ Duy K1, Nguyễn Hoàng H7, Đào Bảo L1, Phạm Văn V2, Trần Duy P1 đã bồi thường cho anh T6 tổng số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Anh Tuấn V1, Phạm Tiến S1, Vũ Văn Đ, Trần Hoàng H, mỗi bị cáo bồi thường được 5.000.000đ, các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn K mỗi bị cáo bồi thường được 3.000.000đ.

Đối với thiệt hại về tài sản là hư hỏng 02 xe máy của anh T6, anh B1 do Bùi Gia L4 và một số người (không rõ nhân thân lai lịch) gây ra: Anh B1 và anh T6 yêu cầu những người gây ra thiệt hại bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Hiện anh B1 và anh T6 chưa được nhận được tiền bồi thường.

- Tại bản Cáo trạng số: 68/VKS – PM ngày 29/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố các bị cáo Trần Hoàng H, Trần Văn K, Đào Bảo L1, Trần Anh Tuấn V1, Võ Duy K1, Vũ Văn Đ, Trần Duy P1, Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H7, Phạm Tiến S1, Vũ Văn K2, Phạm Văn V2 về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai của mình tại cơ quan điều tra, khai nhận toàn bộ hành vi trái pháp luật của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và phát biểu luận tội, phân tích hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả do các bị cáo gây ra, cũng như đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ Luật hình sự

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Trần Hoàng H từ 03 năm – 04 năm tù có thời hạn.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Đào Bảo L1 từ 03 năm – 04 năm tù có thời hạn.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 101; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Trần Vũ K từ 02 năm – 03 năm tù có thời hạn.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 56 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 02 năm – 03 năm tù có thời hạn. Tổng hợp hình phạt với hình phạt tại Bản án 23/2023 ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Hoàng H7, Trần Duy P1, Nguyễn Quốc T2 từ 02 năm – 03 năm tù có thời hạn.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt các bị cáo Vũ Văn Đ từ 01 năm – 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm - 03 năm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Võ Duy K1 từ 01 năm – 01 năm 06 tháng tù có thời hạn.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 101, Điều 58; Điều 103 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Trần Anh T15 Vũ từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù giam. Tổng hợp hình phạt với hình phạt tại Bản án số 27/2024 ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 101, Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Phạm Văn V2 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 101, Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Phạm Tiến S1 từ 01 năm – 01 năm 03 tháng tù có thời hạn.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 101, Điều 54; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Vũ Văn K2 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm – 02 năm 06 tháng.

- *Về xử lý vật chứng*: Không đề nghị

- *Về trách nhiệm dân sự*: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo đối với bị hại.

- *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn hối hận nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan điều tra, viện kiểm sát đã tuân thủ nghiêm

thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 88, 98, 105 Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra không có bức cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] *Về tội danh:*

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy phù hợp với nhau, do vậy có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 01/3/2024, tại đoạn đường trên tuyến tránh Quốc lộ E thuộc thôn Đ, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Trần Hoàng H, Trần Vũ K, Đào Bảo L1, Trần Anh Tuấn V1, Nguyễn Văn C, Võ Duy K1, Nguyễn Quốc T2, Phạm Tiến S1, Phạm Văn V2, Trần Duy P1, Nguyễn Hoàng H7, Vũ Văn Đ, Vũ Văn K2 và một số người khác (không rõ nhân thân lai lịch) đã có hành vi dùng dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 80cm chém trúng cẳng tay trái, vai trái và đuôi đánh khiến anh Hà Tuấn T6 té ngã sây sát đầu gối trái, cẳng chân phải gây thương tích cho anh T6. Hậu quả: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hà Tuấn T6 tại thời điểm giám định là 16% (mười sáu phần trăm).

Việc giám định này đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về việc kết quả giám định. Do đó, Kết luận giám định Pháp y về thương tích nêu trên là hợp pháp.

Vì vậy, hành vi của các bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, để có cơ sở khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò và mức độ phạm tội của từng bị cáo

Trong vụ án này, tuy có nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm nhưng hành vi của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, không có sự phân công cụ thể nên là đồng phạm giản đơn không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[3.1] Đối với bị cáo Trần Hoàng H: Bị cáo là người chủ mưu cầm đầu, Chỉ vì nghi ngờ anh B1 là người ném đá vào nhà mình mà bị cáo đã rủ rê lôi kéo các bị cáo khác, lập nhóm hện anh B1 đến để đánh nhau. Bị cáo là người đã chuẩn bị hung khí cho việc đánh nhau. Điều này đã thể hiện thái độ hung hăng côn đồ, xem thường pháp luật của bị cáo nên cần phải có mức hình phạt tù cao hơn các bị cáo khác để nhằm mục đích răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Trần Vũ K: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn là Trần Anh T15 V1 rủ đi giúp bạn của V1 đánh nhau thì bị cáo đồng ý ngay và tham gia giúp sức một cách tích cực. Bị cáo K là người trực tiếp cầm dao tự chế gây thương tích cho anh T6. Điều này đã thể hiện thái độ hung hăng côn đồ, xem thường pháp luật của bị cáo. Ngoài ra, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, ngoài hành vi bị xét xử trong vụ án này, bị cáo còn đang

là bị can chờ xét xử trong vụ án Gây rối trật tự công cộng, Cố ý làm hư hỏng tài sản, Cố ý gây thương tích xảy ra tại thành phố V, thành phố B, thị xã P, huyện L thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên cần phải có mức hình phạt tù cao hơn các bị cáo khác để nhằm mục đích răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Đào Bảo L1: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Trần Hoàng H rủ đi giúp bạn đánh anh B1 thì bị cáo đồng ý ngay. Bị cáo đã rủ thêm 06 (sáu) người là Võ Duy K1, Vũ Văn K2, Nguyễn Hoàng H7, Phạm Tiến S1, Phạm Văn V2, Nguyễn Quốc T2, Vũ Văn Đ. Bị cáo đã tham gia với vai trò giúp sức một cách tích cực nên cần phải có mức hình phạt tù bằng với bị cáo K để nhằm mục đích răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[3.4] Đối với bị cáo Trần Anh Tuấn V1: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Trần Hoàng H rủ đi giúp bạn đánh anh B1 thì bị cáo đồng ý ngay. Bị cáo là người đã chỉ cho bị cáo H nơi mà bị cáo đã cất giấu hung khí trước đây để bị cáo H đến lấy đánh nhau. Bị cáo tham gia với vai trò người giúp sức về mặt tinh thần, áp đảo lực lượng, cổ vũ tinh thần cho đồng phạm nên cần phải có mức hình phạt thật tương xứng với hành vi của bị cáo.

[3.5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn C: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Trần Anh T15 V1 rủ đi giúp bạn của V1 đánh nhau, C cũng đồng ý ngay. Mặc dù C không cầm hung khí, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng bị cáo đã đồng ý đi đánh nhau cùng với Vũ điều này đã cổ vũ tinh thần cho bị cáo H và V1, tạo tâm lý an toàn vững tin cho bị cáo H và V1 lập nhóm gây thương tích cho người khác, do vậy bị cáo C đã tham gia với vai trò đồng phạm là giúp sức về mặt tinh thần.

[3.6] Đối với bị cáo Võ Duy K1: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Đào Bảo L1 rủ đi giúp bạn của L1 đánh nhau, K1 cũng đồng ý ngay. Trên đường đi K1 có cầm 01 cái xẻng, nhưng sau đó vứt đi vì sợ bị phát hiện, khi đến nơi tập kết K1 có cầm có cầm 01 con dao tự chế đuổi đánh nhóm của bị hại, nhưng không chém trúng ai. Do vậy, bị cáo tham gia với vai trò người giúp sức về mặt tinh thần, áp đảo lực lượng, cổ vũ tinh thần cho đồng phạm.

[3.7] Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T2: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Trần Hoàng H rủ đi giúp đánh nhau, T2 cũng đồng ý ngay. Mặc dù T2 không cầm hung khí, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng bị cáo đã đồng ý đi đánh nhau cùng với H và tham gia đi cùng với H đến địa điểm tập kết, điều này đã cổ vũ tinh thần cho bị cáo H, tạo tâm lý an toàn vững tin cho bị cáo H lập nhóm gây thương tích cho người khác, do vậy bị cáo T2 đã tham gia với vai trò đồng phạm là giúp sức về mặt tinh thần.

[3.8] Đối với bị cáo Phạm Tiến S1: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Đào Bảo L1 rủ đi giúp bạn của L1 đánh nhau, S1 cũng đồng ý ngay. Mặc dù S1 không cầm hung khí, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng bị cáo đã đồng ý đi đánh nhau cùng với L1 và tham gia đi cùng với L1 đến địa điểm tập kết, điều này đã cổ vũ tinh thần cho bị cáo H, L1, tạo tâm lý an toàn vững tin cho bị cáo H lập nhóm gây thương tích cho

người khác, do vậy bị cáo S1 đã tham gia với vai trò đồng phạm là giúp sức về mặt tinh thần.

[3.9] Đối với bị cáo Phạm Văn V2: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Đào Bảo L1 rủ đi giúp bạn của L1 đánh nhau, V2 cũng đồng ý ngay. Mặc dù V2 không cầm hung khí, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng bị cáo đã đồng ý đi đánh nhau cùng với L1 và tham gia đi cùng với L1 đến địa điểm tập kết, điều này đã cổ vũ tinh thần cho bị cáo H, L1, tạo tâm lý an toàn vững tin cho bị cáo H lập nhóm gây thương tích cho người khác, do vậy bị cáo V2 đã tham gia với vai trò đồng phạm là giúp sức về mặt tinh thần

[3.10] Đối với bị cáo Trần Duy P1: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Trần Hoàng H rủ đi giúp H đánh nhau, P1 cũng đồng ý ngay. Mặc dù P1 không cầm hung khí, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng bị cáo đã đồng ý đi đánh nhau cùng với H và tham gia đi cùng với H đến địa điểm tập kết, điều này đã cổ vũ tinh thần cho bị cáo H tạo tâm lý an toàn vững tin cho bị cáo H lập nhóm gây thương tích cho người khác, do vậy bị cáo P1 đã tham gia với vai trò đồng phạm là giúp sức về mặt tinh thần.

[3.11] Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng H7: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Đào Bảo L1 rủ đi giúp bạn của L1 đánh nhau, H7 cũng đồng ý ngay. Mặc dù H7 không cầm hung khí, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng bị cáo đã đồng ý đi đánh nhau cùng với L1 và tham gia đi cùng với L1 đến địa điểm tập kết, điều này đã cổ vũ tinh thần cho bị cáo H, L1, tạo tâm lý an toàn vững tin cho bị cáo H lập nhóm gây thương tích cho người khác, do vậy bị cáo H7 đã tham gia với vai trò đồng phạm là giúp sức về mặt tinh thần.

[3.12] Đối với bị cáo Vũ Văn Đ: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Đào Bảo L1 rủ đi giúp bạn của L1 đánh nhau, H7 cũng đồng ý ngay. Khi đi bị cáo có cầm 01 con dao tự chế, nhưng khi di chuyển đến địa điểm tập kết do phải lái xe nên Đ đã đưa lại con dao cho 1 người trong nhóm sử dụng mà không biết họ tên. Mặc dù Đ không cầm hung khí, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng bị cáo đã đồng ý đi đánh nhau cùng với L1 và tham gia đi cùng với L1 đến địa điểm tập kết, điều này đã cổ vũ tinh thần cho bị cáo H, L1, tạo tâm lý an toàn vững tin cho bị cáo H lập nhóm gây thương tích cho người khác, do vậy bị cáo Đ đã tham gia với vai trò đồng phạm là giúp sức về mặt tinh thần.

[3.13] Đối với bị cáo Vũ Văn K2: Bị cáo là người không có mâu thuẫn với anh B1 nhưng khi nghe bạn của mình là Võ Duy K1 rủ đi giúp bạn của K1 đánh nhau, K2 cũng đồng ý ngay. Mặc dù K2 không cầm hung khí, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng bị cáo đã đồng ý đi đánh nhau cùng với K1 và tham gia đi cùng với K1 đến địa điểm tập kết, điều này đã cổ vũ tinh thần cho bị cáo H, K1, tạo tâm lý an toàn vững tin cho bị cáo H lập nhóm gây thương tích cho người khác, do vậy bị cáo K2 đã tham gia với vai trò đồng phạm là giúp sức về mặt tinh thần.

[4] Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo Trần Hoàng H, Đào Bảo L1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo Trần Hoàng H, Trần Văn K, Đào Bảo L1, Trần Anh Tuấn V1, Võ Duy K1, Vũ Văn Đ, Trần Duy P1, Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hoàng H7, Phạm Tiến S1, Vũ Văn K2, Phạm Văn V2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" và "Bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo" theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Hoàng H: Bị cáo H giữ vai trò chỉ mưu cầm đầu, ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã phân tích như trên, bị cáo còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng là xúi giục người chưa thành niên phạm tội. Vì thế mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn các bị cáo khác mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Hình phạt áp dụng cho bị cáo là 03 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Trần Văn K và Đào Bảo L1: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được phân tích như trên, bị cáo K là người giữ vai trò thực hành. Bị cáo L1 là người giúp sức một cách tích cực nên Hình phạt của 02 bị cáo là 03 năm tù.

Đối với bị cáo Trần Anh Tuấn V1: Bị cáo V1 là người tích cực rủ thêm các bị cáo C, K và rủ người liên quan là Nguyễn Gia đ đánh nhau giúp H và cung cấp hung khí cho đồng bọn (bị cáo chỉ địa điểm cất giấu dao tự chế cho H đến lấy phân phát). Do đó, bị cáo V1 là người giúp sức về mặt tinh thần tích cực trong vụ án. Ngoài ra, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, ngoài hành vi bị xét xử trong vụ án này, bị cáo còn đang là bị can chờ xét xử trong vụ án Gây rối trật tự công cộng, Cố ý làm hư hỏng tài sản, Cố ý gây thương tích xảy ra tại thành phố V, thành phố B, thị xã P, huyện L thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên do bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên hình phạt áp dụng cho bị cáo là 01 (một) năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C: Ngoài hành vi bị xét xử trong vụ án này, bị cáo C còn đang là bị can chờ xét xử trong vụ án Gây rối trật tự công cộng, Cố ý làm hư hỏng tài sản, Cố ý gây thương tích xảy ra tại thành phố V, thành phố B, thị xã P, huyện L, thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hình phạt áp dụng cho bị cáo 02 (hai) năm tù.

Đối với bị cáo Vũ Văn K4: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ như trên, bị cáo K4 còn là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy có căn cứ xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Hình phạt áp dụng cho bị cáo là 01 năm tù.

Đối với bị cáo T2: Bị cáo T2 có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 bộ luật Hình sự, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, ngoài hành vi bị xét xử trong vụ án này, bị cáo T2 còn đang là bị can chờ xét xử trong vụ án "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng hình phạt dưới khung nên hình phạt. Hình phạt của bị cáo là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Đối với bị cáo Phạm Tiến S1: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ như trên, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, thời điểm bị cáo phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có căn cứ xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Hình phạt áp dụng cho bị cáo là 09 tháng tù.

Đối với bị cáo Phạm Văn V2: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ như trên, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có căn cứ xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Hình phạt áp dụng cho bị cáo là 09 tháng tù.

Đối với bị cáo Trần Duy P1: Bị cáo P1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích như trên, có nhân thân tốt và nơi cư trú ổn định. Bên cạnh đó, bị cáo đã từng đi chấp hành và hoàn thành nghĩa vụ quân sự đối với nhà nước, bị cáo còn đang bị bệnh thiếu máu não thường xuyên xảy ra những cơn co giật. Do vậy không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Hình phạt áp dụng cho bị cáo là 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng H7: Bị cáo H7 có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích như trên; có nhân thân tốt và nơi cư trú ổn định, đã bồi thường thiệt hại đầy đủ cho bị hại. Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do vậy hình phạt áp dụng cho bị cáo là 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm.

Đối với bị cáo Vũ Văn Đ: Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích như trên; có nhân thân tốt và nơi cư trú ổn định. Bên cạnh đó, bị cáo Đ là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang chăm sóc người thân bị bệnh nặng. Do đó, có căn cứ xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Đồng thời, không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do vậy hình phạt áp dụng cho bị cáo là 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm.

Đối với bị cáo K2: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ như trên, đến thời điểm xét xử bị cáo K2 là người chưa đủ 18 tuổi, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy hình phạt áp dụng cho bị cáo là 09 (chín) tháng tù.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo Trần Hoàng H, Trần Vũ K, Trần Anh Tuấn V1, Vũ Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Tiến S1. Bị cáo Trần Anh Tuấn V1 tiếp tục bồi thường 5.000.000đ; bị cáo Phạm Tiến S1 tiếp tục bồi thường 5.000.000đ; bị cáo Nguyễn Văn C tiếp tục bồi thường 7.000.000đ; bị cáo Vũ Văn Đ tiếp tục bồi thường 5.000.000đ; bị cáo Trần Hoàng H tiếp tục bồi thường 5.000.000đ; Bị cáo Trần Vũ K tiếp tục bồi thường 7.000.000đ cho bị hại Hồ Tuấn T16.

[7] Về xử lý vật chứng: Không thu hồi được.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo Trần Hoàng H, Trần Anh Tuấn V1, Vũ Văn Đ, Trần

Duy P1, Phạm Tiến S1, Phạm Văn V2, Nguyễn Văn C, Trần Vỹ K. Các bị cáo phải nộp 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Thanh B1 trong quá trình bị Trần Hoàng H và đồng phạm đuổi đánh, anh B1 bị một số người (không rõ nhân thân lai lịch) dùng dao chém trúng áo khoác gây xây xước da: Quá trình điều tra, anh B1 trình bày không bị thương tích và không đi điều trị, do đó không có cơ sở để giám định thương tích đối với anh B1.

Đối với Trần Hoàng H, Trần Vỹ K, Đào Bảo L1, Trần Anh Tuấn V1, Nguyễn Văn C, Võ Duy K1, Nguyễn Quốc T2, Phạm Tiến S1, Phạm Văn V2, Trần Duy P1, Nguyễn Hoàng H7, Vũ Văn Đ, Vũ Văn K2: H, K, L1, V1, C, K1, T2, S1, V2, P1, H7, Đ, K2 không có hành vi đập phá xe mô tô của anh T16 và anh D4 (Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 152 ngày 22/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã P kết luận: Giá trị thiệt hại để khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với 02 xe máy trên tính đến ngày 01 tháng 3 năm 2023 là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Do đó, hành vi của H, K, L1, V1, C, K1, T2, S1, V2, P1, H7, Đ, K2 không phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Đối với Huỳnh Chí K3, Nguyễn Nguyên P3, Võ Văn H10, Trần Anh P2, Tôn Thành T9, Nguyễn G, Huỳnh Minh T7 là những người cùng tham gia gây thương tích cho bị hại: Tại thời điểm thực hiện hành vi, K3, P3, H10, P2, T9, G, T7 đều chưa đủ 16 tuổi. Do đó, hành vi của K3, P3, H10, P2, T9, G, L4, T7 không phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Đối với Bùi Gia L4 và một số thanh niên khác (không rõ nhân thân lai lịch) có hành vi đập phá xe máy của anh T16 và anh D4: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, L4 chưa đủ 16 tuổi. Do đó, hành vi của L4 không phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong vụ án còn đồng phạm đập phá xe chưa truy bắt được. Ngày 08/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Khi nào bắt được các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội sẽ phục hồi điều tra và xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với các thanh niên tên T13, T14, T12 và một số người khác (chưa rõ nhân thân lai lịch) tham gia đánh bị hại cùng nhóm bị can Trần Hoàng H: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiếp tục xác minh, điều tra nhân thân lai lịch và hành vi phạm tội, khi có kết quả sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

- Do sự việc xảy ra tại đoạn đường trên tuyến tránh Quốc lộ E, thị xã P là khu vực vắng vẻ, không có dân cư sinh sống, nên không có cơ sở để truy tố các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Trần Hoàng H, Trần Vỹ K, Đào Bảo L1, Trần Anh Tuấn V1, Võ Duy K1, Vũ Văn Đ, Trần Duy P1, Nguyễn Quốc T2, Nguyễn Văn

C, Nguyễn Hoàng H7, Phạm Tiến S1, Vũ Văn K2, Phạm Văn V2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng H 03 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2023.

1.2 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Vũ K 03 (năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 4 năm 2023.

1.3 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Bảo L1 03 (năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

1.4 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 56, Điều 17 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Anh Tuấn V1 01 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Buộc bị cáo Trần Anh Tuấn V1 phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 25 tháng 9 năm 2023 (được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến ngày 17/9/2023).

1.5 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt với hình phạt tại Bản án 23/2023/HS-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang 04 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 3 năm 2023.

1.6 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Duy K1 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2023

1.7 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T2 01 năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2023.

1.8 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Tiến S1 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2023.

1.9 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn V2 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2023.

1.10 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Duy P1 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

1.11 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H7 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019

1.12 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019

1.13 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn K2 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo Trần Hoàng H, Trần Vũ K, Trần Anh Tuấn V1, Vũ Văn Đ, Nguyễn Văn C, Phạm Tiến S1. Bị cáo Trần Anh Tuấn V1 tiếp tục bồi thường 5.000.000đ; bị cáo Phạm Tiến S1 tiếp tục bồi thường 5.000.000đ; bị cáo Nguyễn Văn C tiếp tục bồi thường 7.000.000đ; bị cáo Vũ Văn Đ tiếp tục bồi thường 5.000.000đ; bị cáo Trần Hoàng H tiếp tục bồi thường 5.000.000đ; Bị cáo Trần Vũ K tiếp tục bồi thường 7.000.000đ cho bị hại Hồ Tuấn T16.

3. Về xử lý vật chứng: Không thu hồi được.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

4.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Hoàng H, Trần Anh Tuấn V1, Vũ Văn Đ, Phạm Tiến S1, Nguyễn Văn C, Trần Vũ K. Mỗi bị cáo phải nộp 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về vật chứng: Không thu hồi được

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 06 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- CCTHA dân sự thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; các đương sự; Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền